Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8411.91.00

Mã HS	8411.91.00
Mô tả hàng hóa	Tua bin phản lực, tua bin cánh quạt và các loại tua bin khí khác / - Bộ phận: / - - Của tua bin phản lực hoặc tua bin cánh quạt
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 20:15:51
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84119100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13085
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13085
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13085
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E12366
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12309
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12309
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12309
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12309
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12309
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12309
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E12363
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12363
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12363

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12363
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12363
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12363
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12364
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12364
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12364
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12364
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12364
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12364
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F12365
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12315
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F12321
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G12321
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H12321
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I12321
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J12321
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K12321
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12354
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12354
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12354
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12354
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12354
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12354
VCFTA	2022	2022	0	VC!D12401
VCFTA	2023	2023	0	VC!E12401
VCFTA	2024	2024	0	VC!F12401

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G12401
VCFTA	2026	2026	0	VC!H12401
VCFTA	2027	2027	0	VC!I12401
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D12386
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E12386
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F12386
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G12386
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H12386
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I12386
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D12386
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E12386
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F12386
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G12386
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H12386
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I12386
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D12401
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E12401
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F12401
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G12401
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H12401
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12401
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D12400
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E12400
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F12400
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G12400
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H12400

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12400
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12380
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12380
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12380
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12380
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12380
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12380
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12380
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D12388
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E12388
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F12388
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G12388
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H12388
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I12388
RCEP B	2022	2022	0	B!D12388
RCEP B	2023	2023	0	B!E12388
RCEP B	2024	2024	0	B!F12388
RCEP B	2025	2025	0	B!G12388
RCEP B	2026	2026	0	B!H12388
RCEP B	2027	2027	0	B!I12388
RCEP C	2022	2022	0	C!D12388
RCEP C	2023	2023	0	C!E12388
RCEP C	2024	2024	0	C!F12388
RCEP C	2025	2025	0	C!G12388
RCEP C	2026	2026	0	C!H12388
RCEP C	2027	2027	0	C!I12388

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D12387
RCEP D	2023	2023	0	D!E12387
RCEP D	2024	2024	0	D!F12387
RCEP D	2025	2025	0	D!G12387
RCEP D	2026	2026	0	D!H12387
RCEP D	2027	2027	0	D!I12387
RCEP E	2022	2022	0	E!D12391
RCEP E	2023	2023	0	E!E12391
RCEP E	2024	2024	0	E!F12391
RCEP E	2025	2025	0	E!G12391
RCEP E	2026	2026	0	E!H12391
RCEP E	2027	2027	0	E!I12391
RCEP F	2022	2022	0	F!D12388
RCEP F	2023	2023	0	F!E12388
RCEP F	2024	2024	0	F!F12388
RCEP F	2025	2025	0	F!G12388
RCEP F	2026	2026	0	F!H12388
RCEP F	2027	2027	0	F!I12388
VIFTA	2024	2024	0	VI!F11461
VIFTA	2025	2025	0	VI!G11461
VIFTA	2026	2026	0	VI!H11461
VIFTA	2027	2027	0	VI!I11461

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8411.91.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8411.91.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13085), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.